

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH

Quý 1 năm 2024

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	Tổng số thu, chi hoạt động dịch vụ				
I	Số thu hoạt động dịch vụ	3,905.500	1,223.948	31%	73%
	- Thu học phí	864.000	162.600	19%	113%
	- Thu khác	3,041.500	1,061.348	35%	138%
	+ Thiết bị vật dụng bán trú	144.000	4.000	3%	250%
	+ Tổ chức phục vụ bán trú	1,440.000	538.450	37%	115%
	+ Tổ chức phục vụ ăn sáng	366.300	159.940	44%	119%
	+ Tổ chức học năng khiếu	210.000	98.160	47%	59%
	+ Tổ chức dạy kỹ năng sống	110.000	35.880	33%	
	+ Tổ chức giáo dục stem		27.810		
	+ Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	256.000	138.368	54%	
	+ Tiền công trả lương cho NVND	108.000	58.740	54%	
	+ Tổ chức phục vụ hè	240.000			
	+ Tổ chức phục vụ bán trú hè	120.000			
	+ Tổ chức phục vụ ăn sáng hè	35.200			
	+ Vệ sinh bán trú hè	12.000			
II	Chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ	3,155.560	754.394	24%	146%
	- Bảo hiểm xã hội	73.742	19.656	27%	88%
	- Bảo hiểm y tế	12.373	3.370	27%	75%
	- Bảo hiểm thất nghiệp	4.454	1.123	25%	82%
	- Kinh phí công đoàn	8.413	4.306	51%	76%
	- Lương nhân viên hợp đồng trường	280.800	70.200	25%	93%
	- Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng	105.300	35.100	33%	65%
	- Các khoản trợ cấp, phụ cấp	2,432.400	313.232	13%	86%
	- Tiền công hỗ trợ công tác chuyên môn		2.340		45%
	- Tiền điện	30.000	17.510	58%	68%
	- Tiền nước	24.712			
	- Phí thu gom rác	5.868	2.093	36%	64%
	- Văn phòng phẩm	16.200	3.130	19%	70%
	- Mua sổ chuyên môn, sách, báo, tạp chí	5.400			
	- Mua đồ dùng vệ sinh		20.141		81%
	- Cước phí điện thoại	0.528			
	- Thuê bao cáp truyền hình	1.440			
	- Cước phí internet	5.280			
	- Công tác phí	3.000	4.500	150%	62%
	- Hợp đồng giáo viên nước ngoài		79.988		84%
	- Hợp đồng giáo viên trong nước		94.662		90%
	- Mua vật tư, hàng hóa	57.600	16.323	28%	86%
	- Chi nộp thuế	64.950	28.286	44%	47%
	- Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	23.100			
	- Phí chuyển tiền		0.690		57%
	- Chi phí khác		37.746		43%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Số thu, chi từ hoạt động tài chính				
I	Số thu hoạt động tài chính	1.155	0.863	75%	182%
	- Thu lãi ngân hàng	1.155	0.863	75%	182%
II	Chi từ nguồn thu hoạt động tài chính	-	-		
	- Phí quản lý tài khoản				
C	Số thu, chi từ các quỹ				
I	Số thu trích lập các quỹ	-	-		
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
	- Quỹ phúc lợi				
	- Quỹ khen thưởng				
	- Quỹ cải cách tiền lương				
II	Chi từ nguồn quỹ	-	472.643		447%
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
	- Quỹ phúc lợi		463.043		458%
	- Quỹ khen thưởng		9.600		
	- Quỹ cải cách tiền lương				
D	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5,919.517	1,509.837	26%	108%
I	Nguồn kinh phí thường xuyên	5,919.517	1,127.511	19%	108%
	- Lương ngạch bậc	2,531.736	562.698	22%	116%
	- Phụ cấp chức vụ	47.520	11.880	25%	121%
	- Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	657.000			
	- Phụ cấp ưu đãi nghề	864.855	193.764	22%	117%
	- PCTN vượt khung; PCTN nghề	450.123	101.022	22%	119%
	- Bảo hiểm xã hội	629.967	118.230	19%	114%
	- Bảo hiểm y tế	105.699	20.268	19%	114%
	- Kinh phí công đoàn	71.875	13.512	19%	114%
	- Bảo hiểm thất nghiệp	38.052	6.756	18%	114%
	- Chi hỗ trợ Tết	61.200	54.000	88%	97%
	- Tiền điện	117.000	5.375	5%	45%
	- Tiền nước	127.500	16.817	13%	120%
	- Cước phí điện thoại	4.950	0.088	2%	0%
	- Thuê bao cáp truyền hình	8.040	1.120	14%	90%
	- Thuê lao động trong nước	204.000	21.982	11%	43%
II	Nguồn kinh phí không thường xuyên	-	382.325		107%
	- Phụ cấp thu hút		151.050		101%
	- Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ		81.735		103%
	- Phụ cấp đặc biệt khác của ngành		149.540		116%

Quận 1, ngày 10 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON

20/10

Nguyễn Thị Diễm Kim

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
----------	----------	-------------	--------------------------------	---	--